

Bản án số: 02/2025/DS-ST

Ngày: 16/01/2025

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản; tranh
chấp hợp đồng tặng cho và hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đức Nhơn - Cán bộ hưu trí
- Bà Huỳnh Thị Tuyết Nga - Nguyên cán bộ công tác tại Hội phụ nữ tỉnh Quảng Ngãi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Yến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31/12/2024, ngày 13 và ngày 16/01/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2023/TLST-DS ngày 01/6/2023 và thụ lý bổ sung số 03/TB-TLVA ngày 23/02/2024, về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản; tranh chấp hợp đồng tặng cho và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-DS ngày 10/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2024/QĐST-DS ngày 17/12/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 96/2024/QĐST-DS ngày 31/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh T - sinh năm 1960; cư trú tại số H đường V thuộc đội D, thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim P - Luật sư của Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Số E đường T, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Minh T1 - sinh năm 1964 và bà Huỳnh Thị Thùy V - sinh năm 1966; cư trú tại đội A, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Long C - sinh năm 1967; cư trú tại thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Long C: Ông Huỳnh T - sinh năm 1960; cư trú tại số H đường V thuộc đội D, thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 24/12/2024).

2. Bà Huỳnh Thị T2 - sinh năm 1965; cư trú tại đội H, thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bà Huỳnh Thị T3 - sinh năm 1957; cư trú tại số D đường N, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Anh Đỗ Văn H - sinh năm 1984; cư trú tại đội D, thôn G, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi

5. Chị Huỳnh Thị Minh T4 - sinh năm 1985

6. Cháu Đỗ Hoàng H1 - sinh ngày 20/10/2012

Cùng cư trú tại đội A, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của cháu Đỗ Hoàng H1: Anh Đỗ Văn H và chị Huỳnh Thị Minh T4 (cha, mẹ đẻ của cháu Đỗ Hoàng H1).

7. Chị Huỳnh Thị Minh T5 - sinh năm 1987

8. Chị Huỳnh Thị Minh N - sinh năm 1988

Cùng cư trú tại đội A, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

9. Văn phòng C3 (nay là Văn phòng C4); địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T6 - Trưởng Văn Phòng.

10. Ủy ban nhân dân thành phố Q; địa chỉ: Số D đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trà Thanh D - Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Kim C1 - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q (theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 5654/QĐ-UBND ngày 13/12/2024).

11. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q; địa chỉ: Số A đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T7 - Quyền giám đốc.

12. Ông Phạm N1 - sinh năm 1967; hộ khẩu thường trú tại đội F, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; cư trú tại thôn Đ, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum.

13. Văn phòng C5; địa chỉ: Số A đường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn H2 - Trưởng Văn phòng.

(Ông Huỳnh T, bà Phạm Thị Kim P, ông Huỳnh Minh T1, bà Huỳnh Thị Thùy V, bà Huỳnh Thị T2, bà Huỳnh Thị T3, ông Huỳnh Long C, chị Huỳnh Thị Minh T4, chị Huỳnh Thị Minh T5, ông Phạm N1 có mặt; đại diện Ủy ban nhân dân thành phố Q và Văn phòng C5 có yêu cầu xét xử vắng mặt; các đương sự

còn lại vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; khi tuyên án, ông Huỳnh T và bà Phạm Thị Kim P có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2023, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung đề ngày 15/5/2023, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Huỳnh T trình bày:*

Cha, mẹ của ông là cụ Huỳnh T8 (chết năm 1968) và cụ Bùi Thị L (chết năm 2015) sinh được 05 người con là các ông, bà Huỳnh Thị T3, Huỳnh T, Huỳnh Minh T1, Huỳnh Thị T2, Huỳnh Long C. Ngoài ra, cụ T8 và cụ L không còn người con nào khác, kể cả con nuôi hay con riêng. Cụ T8, cụ L chết không để lại di chúc.

Thửa đất số 392, tờ bản đồ số 12, xã T, diện tích 520m² (viết tắt là thửa 392) có nguồn gốc của Hợp tác xã (viết tắt là HTX) cấp cho cụ L vào năm 1980. Cụ L là người đăng ký, kê khai thửa 392 theo Chỉ thị 299/TTg. Sau khi được HTX cấp đất, cụ L làm nhà ở. Năm 1985, ông xuất ngũ, lập gia đình và sinh sống cùng cụ L tại thửa 392. Năm 1987, do nhà chật chội nên ông có sửa chữa lại để ở đến năm 1990, vợ chồng ông mua đất, làm nhà ở riêng. Nhà, đất tại thửa 392 vẫn do cụ L tiếp tục quản lý, sử dụng. Khoảng cuối năm 1993, em trai của ông là ông Huỳnh Minh T1 cùng vợ là bà Huỳnh Thị Thùy V đang sinh sống tại huyện S xin và được vợ chồng ông đồng ý cho về ở cùng cụ L tại thửa 392. Tuy nhiên, không biết bằng cách nào mà bà V làm hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho bà V thuộc thửa đất số 1274, tờ bản đồ số 12, diện tích 554m² (đất T) tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 11/11/1996 (viết tắt là thửa 1274). Ngày 15/5/2015, bà V được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi GCNQSDĐ đối với thửa 1274. Ngày 03/6/2015, bà V làm thủ tục tách thửa 1274 thành 03 thửa, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSDĐ cùng ngày 30/10/2015 đối với thửa đất số 3139, diện tích 100m² (viết tắt là thửa 3139) và thửa đất số 3140, diện tích 100m² (viết tắt là thửa 3140); cấp GCNQSDĐ thửa đất số 3141, diện tích 354m² (viết tắt là thửa 3141), cùng tờ bản đồ số 12, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 21/12/2015.

Gia đình ông không ai biết bà V được cấp GCNQSDĐ cho đến khoảng năm 2009 - 2012, cụ L mới biết việc bà V lén đi kê khai để được cấp GCNQSDĐ nên cụ L gửi đơn đến UBND xã T yêu cầu giải quyết nhưng chưa được xem xét giải quyết thì cụ L đau nặng. Vì không muốn tình cảm gia đình bị sút mẻ nên các anh, chị, em của ông có bàn với cụ L thống nhất để cho bà V tiếp tục đứng tên trong GCNQSDĐ nhưng ông T1, bà V phải giao lại cho cụ L 01 lô đất đứng tên cụ L để sau này cụ L cho ông C làm nơi thờ cúng ông, bà.

Ngày 18/7/2014, ông T1 và bà V có viết Giấy thỏa thuận đồng ý cho cụ L 01 lô đất, diện tích 150m² (5m x 30m); cụ L đồng ý để lô đất này cho ông C sử

dụng, không được mua bán, chuyển nhượng cho ai, sau này dùng làm nhà thờ ông bà, cha mẹ; ông C có trách nhiệm trả 20.000.000 đồng tiền đổ đất san lấp mặt bằng cho ông T1, bà V nhưng sau đó ông T1, bà V không thực hiện mà làm thủ tục tách thửa, tặng cho con gái.

Cùng ngày 04/7/2016, ông T1 và bà V lập hợp đồng tặng cho chị Huỳnh Thị Minh T4 thửa 3139; tặng cho chị Huỳnh Thị Minh T5 thửa 3140, được Văn phòng C3 công chứng và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Q chỉnh lý biến động tại trang ba cùng ngày 22/7/2016.

Cùng ngày 03/3/2017, chị T4 và chị T5 có đơn đề nghị cấp đổi GCNQSDĐ theo dự án đo đạc 20 xã, phường và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi GCNQSDĐ cho chị T4 từ thửa 3139 thành thửa đất số 102, tờ bản đồ số 24, diện tích 147,1m² (trong đó có 100m² ONT và 47,1m² đất BHK), (viết tắt là thửa 102) và cấp cho chị T5 từ thửa 3140 thành thửa đất số 103, tờ bản đồ số 24, diện tích 144,2m² (trong đó có 100m² ONT và 44,2m² đất BHK), (viết tắt là thửa 103) cùng ngày 30/12/2017. Hiện chị T4 đang quản lý, sử dụng thửa 102; chị T5 đang quản lý, sử dụng thửa 103; ông T1, bà V đang quản lý, sử dụng thửa 3141. Các chị, em của ông đã nhiều lần yêu cầu ông T1, bà V thực hiện việc sang tên phần đất như đã thỏa thuận cho ông C nhưng ông T1, bà V không thực hiện.

Gắn liền với thửa 102 hiện có ngôi nhà cấp IV do chị T4 xây dựng năm 2017; thửa 3141 có ngôi nhà cấp IV của ông T1, bà V nhưng xây dựng năm nào thì ông không nhớ do nhà của cụ L xây dựng năm 1980 đã xuống cấp nên ông T1, bà V tháo dỡ ngôi nhà của cụ L và làm lại ngôi nhà như hiện nay. Việc ông T1, bà V tự ý tháo dỡ ngôi nhà của cụ L và làm lại nhà mới như hiện nay thì các chị, em của ông không ai có ý kiến hay khiếu nại gì.

Trong thời gian Tòa án đang giải quyết vụ án thì ngày 10/7/2023, chị T5 tự ý chuyển nhượng thửa 103 cho ông Phạm N1, được Văn phòng C5 công chứng là trái quy định pháp luật.

Nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định thửa 392, diện tích 520m² (bản đồ 299/TTg), theo bản đồ năm 1996 thuộc thửa 1274, nay thuộc các thửa 102, 103, 3141 là di sản của cụ Bùi Thị L; chia thừa kế di sản của cụ L theo pháp luật đối với thửa 102, 103, 3141 theo diện tích đo đạc thực tế tổng cộng 545m² thành 05 kỷ phần, mỗi kỷ phần được nhận 109m² đất. Ông yêu cầu được nhận phần đất có giới cận: Phía Đông giáp đất có ngôi nhà của chị T4; phía Tây giáp đất có ngôi nhà của ông T1, bà V; phía Nam giáp đất ông Nguyễn C2; phía Bắc giáp đường đi. Trường hợp trên phần đất ông được nhận có tài sản của ông T1, bà V, chị T4 thì ông yêu cầu tháo dỡ để trả lại đất cho ông; tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T1, bà V với chị T4 đối với thửa 3139; với chị T5 đối với thửa 3140, đều được Văn phòng C3 công chứng ngày 04/7/2016 vô hiệu; hủy GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho bà V đối với thửa 3141 vào ngày 21/12/2015; tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị T5 với ông N1 đối với thửa 103, được Văn

phòng C5 công chứng ngày 10/7/2023 vô hiệu. Ông không yêu cầu giải quyết hậu quả của các hợp đồng vô hiệu.

Tại phiên tòa, ông và các ông, bà C, T3, T2 đồng ý thỏa thuận về việc ông T1, bà V giao cho ông phần đất có ngôi nhà hiện chị T4 đang quản lý, sử dụng thuộc thửa 102, theo đo đạc thực tế có diện tích 145,9m²; ông đồng ý hoàn trả giá trị ngôi nhà cho chị T4 theo Chứng thư thẩm định giá do Công ty Cổ phần Đ thực hiện ngày 24/11/2023 và tiền san lấp mặt bằng cho ông T1, bà V tổng cộng 100.000.000 đồng; ông tự nguyện chịu chi phí tố tụng khác; đối với các hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với một phần ngôi nhà cấp 4, diện tích 1,9m² (ký hiệu g1) và một phần mái hiên, diện tích 0,1m² (ký hiệu h1) gắn liền với ngôi nhà hiện chị T4 đang quản lý, sử dụng nằm trên thửa 3140, ông xác định sẽ tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

** Tại Bản tự khai đề ngày 10/8/2023, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Huỳnh Minh T1 và bà Huỳnh Thị Thùy V cùng trình bày:*

Về quan hệ huyết thống và nguồn gốc thửa 392 (theo bản đồ 299/TTg) ông, bà thống nhất như nguyên đơn là ông Huỳnh T trình bày. Sau khi được HTX cấp đất, cụ L làm nhà ở. Năm 1991, do cụ L tuổi già, sức yếu lại sống một mình nên gia đình ông, bà dọn nhà từ huyện S về ở cùng cụ L tại thửa 392. Cụ L chết không để lại di chúc.

Khi còn sống, cụ L đã cho ông, bà quản lý, sử dụng thửa 392 nhưng chỉ bằng lời nói. Sau khi ở được một thời gian thì ngôi nhà xuống cấp nên ông, bà làm lại nhà mới ở cho đến nay. Khi ông, bà làm lại nhà mới thì cụ L vẫn còn sống; cụ L và các anh, chị, em của ông đều biết nhưng không ai có ý kiến gì. Ông, bà đã quản lý, sử dụng thửa 392 từ năm 1991, đã làm nhà ở ổn định từ đó đến nay. Ngoài nhà, đất tại thửa 392 thì gia đình ông, bà không còn chỗ ở nào khác.

Năm 1996, bà đại diện đứng tên làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, được UBND huyện S cấp GCNQSDĐ thuộc thửa 1274 vào ngày 11/11/1996. Sự biến động của thửa 1274 như ông T trình bày là đúng. Quá trình bà đăng ký để được cấp GCNQSDĐ, làm thủ tục tách thửa 1274, lúc đó cụ L còn sống, ở chung nhà với ông, bà nên cụ L biết nhưng không có ý kiến gì. Cụ L đã tặng cho ông, bà thửa 392 nên thửa 392 không còn là di sản của cụ L. Do đó, ông bà có quyền tặng cho quyền sử dụng đất cho các con là chị T4 và chị T5.

Ông, bà là người trực tiếp gọi xe đồ đất, nâng nền, tôn tạo đất như hiện nay; khi còn sống, cụ L sống cùng ông, bà nên khi cụ L đau ốm, bệnh tật thì ông, bà là người trực tiếp chăm sóc; khi cụ L chết thì ông, bà là người lo ma chay, xây mộ mã, cúng giỗ hàng năm và thờ cúng ông, bà tổ tiên.

Ông, bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T về việc chia thừa kế thừa 392, nay là các thửa 102, 103, 3141 cho các đồng thừa kế của cụ L. Trường hợp Tòa án có căn cứ tuyên bố các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu thì ông, bà không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Ông, bà chỉ đồng ý giao một phần thửa 392, diện tích 150m² nay là thửa 102 theo diện tích đo đạc thực tế, hiện có ngôi nhà chị T4 đang quản lý, sử dụng cho ông T nhưng ông T phải thanh toán lại giá trị ngôi nhà cho chị T4 và hoàn trả cho ông, bà tiền đổ đất nâng nền, tôn tạo đất tổng cộng 100.000.000 đồng; ông, bà đồng ý nhận chung số tiền trên với chị T4.

Đối với một phần ngôi nhà cấp 4, diện tích 1,9m² (ký hiệu g1) và một phần mái hiên, diện tích 0,1m² (ký hiệu h1) gắn liền với ngôi nhà hiện chị T4 đang quản lý, sử dụng nằm trên thửa 3140, ông bà xác định sẽ tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

** Tại đơn trình bày, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Huỳnh Thị T3, bà Huỳnh Thị T2, Huỳnh Long C cùng trình bày:* Các ông, bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Huỳnh T. Khi ông T1, bà V làm nhà thì mẹ các ông, bà là cụ Bùi Thị L còn sống, sống chung nhà với ông T1, bà V. Cụ L và các ông, bà không ai tranh chấp hay khiếu nại gì về việc xây dựng nhà của ông T1, bà V. Các ông, bà thống nhất tính cho ông T1 01 kỷ phần công sức và yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật. Trường hợp phân đất các ông, bà được nhận có tài sản của ông T1, bà V gắn liền với đất thì các ông, bà sẽ thanh toán lại giá trị các tài sản gắn liền với đất cho ông T1, bà V theo Chứng thư thẩm định giá do Công ty Cổ phần Đ thực hiện ngày 24/11/2023.

Tại phiên tòa, các ông, bà đồng ý việc ông T1, bà V tự nguyện giao cho ông T phần đất có ngôi nhà hiện chị T4 đang quản lý, sử dụng thuộc thửa 102, theo đo đạc thực tế có diện tích 145,9m²; các ông, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Tại bản tự khai ngày 19/7/2023, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Huỳnh Thị Minh T4 trình bày:* Chị là con đẻ của ông Huỳnh Minh T1, bà Huỳnh Thị Thùy V. Chị không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Huỳnh T; chị thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông T1 về quan hệ huyết thống, nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng, tặng cho quyền sử dụng đất liên quan đến thửa 3139 (nay là thửa 102), thửa 3140 (nay là thửa 103) và thửa 3141. Chị đồng ý việc ông T1, bà V giao thửa 3139 (nay là thửa 102) cho ông T quản lý, sử dụng nhưng phải thanh toán giá trị tài sản gắn liền với thửa 3139 cho chị, trừ một số cây mai theo Chứng thư thẩm định giá do Công ty Cổ phần Đ thực hiện ngày 24/11/2023 và chị đồng ý cùng ông T1, bà V nhận chung số tiền 100.000.000 đồng do ông T thanh toán.

Trường hợp Tòa án có căn cứ tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa 3139 vô hiệu thì chị không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Đối với một phần ngôi nhà cấp 4, diện tích $1,9m^2$ (ký hiệu g1) và một phần mái hiên, diện tích $0,1m^2$ (ký hiệu h1) gắn liền với ngôi nhà hiện chị đang quản lý, sử dụng nằm trên thửa 3140, chị xác định sẽ tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

** Tại bản tự khai ngày 19/7/2023 và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Huỳnh Thị Minh N trình bày:* Chị là con đẻ của ông Huỳnh Minh T1, bà Huỳnh Thị Thùy V. Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Huỳnh T; chị thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông T1, bà V về quan hệ huyết thống, nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng, tặng cho quyền sử dụng đất liên quan đến thửa 3139 (nay là thửa 102), thửa 3140 (nay là thửa 103) và thửa 3141. Chị thống nhất theo biên bản hòa giải tại UBND xã T, đồng ý giao cho ông Huỳnh Long C diện tích $150m^2$ thuộc thửa 102 nhưng ông C phải về làm thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Chị không khởi kiện và cũng không tranh chấp nên không liên quan đến việc khởi kiện trên. Do đó, chị đề nghị Tòa án hòa giải vắng mặt chị.

** Tại bản tự khai ngày 19/7/2023, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Huỳnh Thị Minh T5 trình bày:* Chị là con đẻ của ông Huỳnh Minh T1, bà Huỳnh Thị Thùy V. Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Huỳnh T; chị thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông T1, bà V về quan hệ huyết thống, nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng, tặng cho quyền sử dụng đất liên quan đến thửa 3139 (nay là thửa 102), thửa 3140 (nay là thửa 103) và thửa 3141. Trường hợp Tòa án có căn cứ tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa 3140 vô hiệu thì chị không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa 103 (nguyên là thửa 3140) giữa chị với ông Phạm N1, được Văn phòng C5 công chứng ngày 10/7/2023 vô hiệu thì chị không đồng ý vì khi chị chuyển nhượng thửa 103 cho ông N1 thì chị đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSDĐ vào ngày 30/12/2017; mọi thủ tục chuyển nhượng đều thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật, các bên đã hoàn tất hợp đồng; ông N1 đã giao đủ tiền cho chị và chị đã giao GCNQSDĐ thửa 103 cho ông N1 để ông N1 hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Vì là chỗ thân quen nên giữa chị và ông N1 không lập biên bản bàn giao đất, biên bản giao nhận tiền. Trường hợp Tòa án có căn cứ tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng thửa 103 giữa chị với ông N1 vô hiệu thì chị sẽ trả lại 710.000.000 đồng đã nhận cho ông N1.

Tại phiên tòa, chị xác định chị và ông N1 sẽ tự thỏa thuận giải quyết đối với số tiền 710.000.000 đồng mà chị đã nhận của ông N1, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

Đối với một phần ngôi nhà cấp 4, diện tích $1,9m^2$ (ký hiệu g1) và một phần mái hiên, diện tích $0,1m^2$ (ký hiệu h1) gắn liền với ngôi nhà hiện chị T4 đang quản lý, sử dụng nằm trên thửa 3140, chị cũng xác định sẽ tự giải quyết,

không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

** Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm N1 trình bày:* Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh T về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng thửa 103 giữa ông với chị Huỳnh Thị Minh T5, được Văn phòng C5 công chứng ngày 10/7/2023 vô hiệu vì khi ông nhận chuyển nhượng thửa 103 thì chị T5 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSDĐ vào ngày 30/12/2017; mọi thủ tục chuyển nhượng đều thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật; các bên đã hoàn tất hợp đồng, ông đã giao đủ tiền cho chị T5; chị T5 đã giao GCNQSDĐ thửa 103 cho ông để ông hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Vì là chỗ thân quen nên giữa ông và chị T5 không lập biên bản bàn giao đất, biên bản giao nhận tiền.

Quá trình giải quyết vụ án, ông có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng thửa 103 giữa ông với chị T5 vô hiệu. Tòa án đã ban hành Thông báo số 278/TB-TA ngày 03/4/2024 về việc thực hiện thủ tục khởi kiện theo quy định của pháp luật gửi cho ông nhưng ông không bổ sung, cũng không có đơn theo yêu cầu của Tòa án; việc chị T5 tự nguyện trả lại cho ông 710.000.000 đồng trong trường hợp Tòa án có căn cứ tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng thửa 103 giữa ông với chị T5 vô hiệu thì ông đồng ý; ông không yêu cầu chị T5 phải trả cho ông giá trị thửa 103 theo Chứng thư thẩm định giá do Công ty Cổ phần Đ thực hiện ngày 24/11/2023 là 901.581.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông đồng ý việc chị T5 xác định ông và chị T5 sẽ tự thỏa thuận giải quyết đối với số tiền 710.000.000 đồng mà chị T5 đã nhận của ông, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng C3 (nay là Văn phòng C4) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh T liên quan đến hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng từ chối nhận, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh T liên quan đến hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.*

** Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng C5 do ông Ngô Văn H2 là người đại diện theo pháp luật trình bày như sau:*

Ngày 10/7/2023, chị Huỳnh Thị Minh T5 và ông Phạm N1 đến Văn phòng C5 (viết tắt là Văn phòng) yêu cầu công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Công chứng viên Nguyễn Thị L1 trực tiếp kiểm tra toàn bộ hồ sơ pháp lý yêu cầu công chứng. Xét thấy, hồ sơ yêu cầu công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đầy đủ và đảm bảo tính pháp lý, Công chứng viên Nguyễn Thị L1 chuyển hồ sơ cho chuyên viên kiểm tra ngăn chặn,

tranh chấp thì không có ngăn chặn, tranh chấp. Việc chị T5, ông N1 tự nguyện đến Văn phòng để làm thủ tục và ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Công chứng viên Nguyễn Thị L1 công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là hoàn toàn đúng trình tự, thủ tục công chứng theo quy định của pháp luật công chứng. Vì điều kiện công việc, Văn phòng xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, kể cả các phiên tòa.

** Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố Q trình bày ý kiến như sau:*

Qua kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSDĐ do UBND huyện S bàn giao hiện đang lưu trữ tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Q thể hiện: Sau khi sáp nhập và nhận hồ sơ bàn giao từ UBND huyện S đối với hồ sơ cấp GCNQSDĐ của bà Huỳnh Thị Thùy V chỉ có duy nhất đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ năm 1996; ngoài ra, không còn bất kỳ giấy tờ nào liên quan. Do đó, đối với nội dung: Lý do cụ Bùi Thị L là người đăng ký, kê khai theo Chỉ thị 299/TTg đối với thửa 392, nhưng người được cấp GCNQSDĐ là bà Huỳnh Thị Thùy V thì UBND thành phố không có căn cứ, hồ sơ để phúc đáp.

** Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q trình bày ý kiến như sau:*

Qua kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSDĐ của bà Huỳnh Thị Thùy V hiện đang lưu tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Q như sau: Ngày 11/11/1996, bà V được UBND huyện S cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 1274, tờ bản đồ số 12, diện tích 554m², loại đất T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 11/8/2014, bà V nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại GCNQSDĐ thửa 1274, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSDĐ cho bà V vào ngày 15/5/2015. Ngày 03/6/2015, bà V nộp hồ sơ tách thửa đề nghị tách thửa 1274 thành 03 thửa là thửa đất số 3139, diện tích 100m² ONT và thửa đất số 3140, diện tích 100m² ONT, cùng tờ bản đồ số 12, được cấp cùng ngày 30/10/2015; thửa đất số 3141, tờ bản đồ số 12, diện tích 354m² ONT, được cấp ngày 21/12/2015.

Ngày 04/7/2016, bà V và ông T1 lập hợp đồng tặng cho chị Huỳnh Thị Minh T4 thửa 3139; tặng cho chị Huỳnh Thị Minh T5 thửa 3140, được Văn phòng C3 công chứng và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Q chỉnh lý trên trang ba trong GCNQSDĐ ngày 22/7/2016.

Ngày 03/3/2017, chị T4 và chị T5 có đơn đề nghị cấp đổi GCNQSDĐ thửa 3139 và thửa 3140 theo dự án đo đạc 20 xã, phường và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSDĐ cho chị T4 thửa đất số 102, tờ bản đồ số 24, diện tích 147,1m² (100m² ONT và 47,1m² BHK) và cấp cho chị Huỳnh Thị Minh T5 thửa đất số 103, tờ bản đồ số 24, diện tích 144,2m² (100m² ONT và 44,2m² BHK).

Ngày 10/7/2023, chị T5 lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông Phạm N1 thửa 103, được Văn phòng C5 công chứng.

Việc ông Huỳnh T yêu cầu hủy GCNQSDĐ đối với thửa 3141, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông T1, bà V, chị T4 về việc giao cho ông T được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng thửa 3139 và một phần thửa 3141, diện tích theo đo đạc thực tế 145,9m² (ONT) cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất, trừ một số cây mai thì chị T4 được quyền dỡ dọn, di dời; ông T tự nguyện thanh toán 100.000.000 đồng giá trị tài sản (vật kiến trúc, cây lâu năm) gắn liền với đất (trừ một số cây mai) và tiền công tôn tạo cho ông T1, bà V và chị T4; ông T tự nguyện chịu chi phí tố tụng khác; các yêu cầu khác của ông T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định tại khoản 3, 9 Điều 26, Điều 34, 37, 68, 98, 101, 172, 173, 174, 175, 176, 191, 193, 195, 196, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện, thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời hạn.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật (vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

Về nội dung: Căn cứ Điều 26, 34, 37, 144, 147, 157, 158, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 122, 131 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, 166, 167 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Ghi nhận sự tự nguyện của ông T1, bà V, chị T4 về việc giao cho ông T một lô đất có chiều ngang 5m, chiều dài hết đất, vị trí hiện nay là thửa 102; ông T tự nguyện thanh toán lại giá trị nhà và công tôn tạo đất cho ông T1, bà V, chị T4 số tiền 100.000.000 đồng; chấp nhận yêu cầu của ông T, hủy GCNQSDĐ thửa 3141 và tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Huỳnh Thị Minh T5 với ông Phạm N1, được Văn phòng C5 chứng thực ngày 10/7/2023, số công chứng 07074, quyển số 07/2023 đối với thửa 103 vô hiệu; đề nghị hủy GCNQSDĐ thửa 102, 103; không chấp nhận yêu cầu của ông T yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T1, bà V với chị T4 đối với thửa 3139 và giữa ông T1, bà V với chị T5 đối với thửa 3140, được Văn phòng C3 công chứng cùng ngày 04/7/2016 vô hiệu. Về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của đương sự giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa và ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là ông Huỳnh T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số phát hành CC 290723, số vào sổ CS 03977 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho bà Huỳnh Thị Thùy V đối với thửa đất số 3141, tờ bản đồ số 12, diện tích 354m² (đất ở tại nông thôn) tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 21/12/2015 (viết tắt là thửa 3141). Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 34, 37, 38 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định cháu Đỗ Huỳnh Long S - sinh ngày 01/12/2005 là con đẻ của chị Huỳnh Thị Minh T4 và anh Đỗ Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị T4 xác định hiện cháu Đỗ Huỳnh Long S đang sống cùng anh H, không sống cùng chị tại thửa đất hiện đang tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử xác định cháu Đỗ Huỳnh Long S không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Văn H và đại diện Văn phòng C3 (nay là Văn phòng C4) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ huyết thống: Các đương sự đều thừa nhận cụ Huỳnh T8 (chết năm 1968) và cụ Bùi Thị L (chết năm 2015) sinh được 05 người con gồm các ông, bà Huỳnh Thị T3, Huỳnh T, Huỳnh Minh T1, Huỳnh Thị T2, Huỳnh Long C; ngoài ra, cụ T8 và cụ L không còn người con nào khác, kể cả con nuôi hay con riêng. Cụ T8, cụ L chết không để lại di chúc.

[2.2] Về nguồn gốc tài sản tranh chấp: Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 392, tờ bản đồ số 12, diện tích 520m² (loại ruộng đất: T), xã T, huyện S (nay thuộc thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa 392) là của Hợp tác xã cấp cho cụ Bùi Thị L vào năm 1980; quá trình sử dụng, cụ L là người đứng tên kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg. Sau khi được cấp đất, cụ L làm nhà ở tại thửa 392. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.3] Sự biến động của thửa 392:

[2.3.1] Theo Công văn số 2673/CNTPQN ngày 04/10/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Q (bút lục 300, 301) về việc cung cấp thông tin, thể hiện: Ngày 11/11/1996, bà Huỳnh Thị Thùy V được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện S cấp GCNQSDĐ thuộc thửa đất số

1274, tờ bản đồ số 12, diện tích 554m² (T) tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là thửa 1274). Ngày 11/8/2014, bà V nộp hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSDĐ cho bà V vào ngày 15/5/2015 đối với thửa 1274. Ngày 03/6/2015, bà V nộp hồ sơ tách thửa đề nghị tách thửa 1274 thành 03 thửa, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSDĐ gồm thửa đất số 3139, diện tích 100m² ONT (viết tắt là thửa 3139) và thửa đất số 3140, diện tích 100m² ONT, cùng tờ bản đồ số 12, xã T Tây vào ngày 30/10/2015 (viết tắt là thửa 3140) và thửa đất số 3141, diện tích 354m² ONT, tờ bản đồ số 12, xã T Tây vào ngày 21/12/2015 (viết tắt là thửa 3141). Ngày 04/7/2016, bà V và ông Huỳnh Minh T1 lập hợp đồng tặng cho chị Huỳnh Thị Minh T4 thửa 3139; tặng cho chị Huỳnh Thị Minh T5 thửa 3140, đều được Văn phòng C3 và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Q chỉnh lý biên động tại trang 3 trong GCNQSDĐ ngày 22/7/2016. Ngày 03/3/2017, chị T4 và chị T5 có đơn đề nghị cấp đổi GCNQSDĐ thửa 3139 và thửa 3140 theo dự án đo đạc 20 xã, phường và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSDĐ cho chị T4 thuộc thửa đất số 102, diện tích 147,1m² (100m² ONT và 47,1m² BHK), (viết tắt là thửa 102) và cấp GCNQSDĐ cho chị T5 thuộc thửa đất số 103, diện tích 144,2m² (100m² ONT và 44,2m² BHK), cùng tờ bản đồ số 24, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cùng ngày 30/12/2017 (viết tắt là thửa 103). Ngày 10/7/2023, chị T5 lập hợp đồng chuyển nhượng thửa 103 cho ông Phạm N1, được Văn phòng C5 công chứng.

[2.3.2] Theo Công văn số 4112/STNMT-VPĐKĐ ngày 28/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q thể hiện: Đối chiếu bản đồ đo vẽ năm 2016, thửa đất số 3141, tờ bản đồ số 12 nay là thửa đất số 40, tờ bản đồ số 24, diện tích 273,1m² (loại đất ONT), (viết tắt là thửa 40).

[2.3.3] Các đương sự đều thừa nhận hiện trên thửa 3141 có ngôi nhà cấp IV của ông T1, bà V; thửa 3139 có ngôi nhà cấp IV của chị T4.

[2.4] Xét yêu cầu của ông Huỳnh T về việc yêu cầu Tòa án xác định và chia thừa kế theo pháp luật thửa 392, nay là các thửa 3139, 3140 và 3141, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.4.1] Các ông, bà Huỳnh T, Huỳnh Thị T3, Huỳnh Thị T2, Huỳnh Long C đều thừa nhận sau khi được Hợp tác xã cấp đất vào năm 1980 thì cụ L làm nhà ở; vợ chồng ông T ở chung với cụ L đến năm 1990 thì mua đất làm nhà ở riêng; sau đó, vợ chồng ông Huỳnh Minh T1, bà Huỳnh Thị Thùy V cùng các con từ huyện S về ở chung với cụ L; ngôi nhà của cụ L xuống cấp, hư hỏng nên ông T1, bà V làm lại nhà như hiện nay tại vị trí ngôi nhà của cụ L làm trước đó; cụ L sống chung với gia đình ông T1 cho đến khi chết vào năm 2015; khi gia đình ông T1 làm nhà, cụ L còn sống nhưng cụ L cũng như các ông, bà đều biết nhưng không tranh chấp hay khiếu nại gì.

[2.4.2] Tại phiên tòa ngày 31/12/2024, ông T1 cung cấp bản photo Giấy thỏa thuận đề ngày 18/7/2014. Mặc dù là bản photo, nhưng ông T và ông C (do ông T là người đại diện theo ủy quyền) thừa nhận nội dung được thể hiện trong

Giấy thỏa thuận, cụ thể: Ông T1, bà V đồng ý để cho cụ L một lô đất để làm nhà ở và dưỡng già, diện tích 150m² (5m x 30m); cụ L nhượng lại cho ông C; cụ L, ông C, ông T1, bà V đều ký tên trong Giấy thỏa thuận.

[2.4.3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các ông, bà T, T3, T2, C cho rằng do ông T1, bà V không thực hiện theo Giấy thỏa thuận nêu trên nên ông T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thừa 392 theo pháp luật. Tuy nhiên, các ông, bà T, T3, T2, C không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông T1, bà V không thực hiện theo Giấy thỏa thuận nêu trên.

[2.4.4] Ông T1, bà V thì cho rằng khi còn sống, cụ L đã cho ông, bà thừa 392 nên bà V mới đại diện hộ gia đình làm thủ tục, được UBND huyện S cấp GCNQSDĐ thửa 1274; sau khi được cấp GCNQSDĐ, nhiều lần ông, bà yêu cầu ông C về làm thủ tục, nhưng ông C không về và nói không nhận đất nữa nên ngày 03/6/2015, bà (V) nộp hồ sơ đề nghị tách thửa 1274 thành 03 thửa và ngày 04/7/2016, ông bà đã lập hợp đồng tặng cho chị T4 thửa 3139; tặng cho chị T5 thửa 3140.

[2.4.5] Mặc dù, ông T1 và bà V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh khi còn sống cụ L cho ông, bà thừa 392 và ông C từ chối nhận đất, nhưng tại bản tự khai ngày 10/8/2023 (bút lục 349 - 351); biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 11/6/2024 (bút lục 498 - 504) và tại phiên tòa, ông T1 và bà V đều đồng ý giao cho cụ L một lô đất như Giấy thỏa thuận ngày 18/7/2014, nay đồng ý giao cho ông C thửa 3139; ông T và ông C thừa nhận chữ ký trong Giấy thỏa thuận nói trên là của cụ L và ông C. Do đó, lời trình bày của ông T1, bà V về việc khi còn sống cụ L đã cho ông, bà thừa 392 là có cơ sở đáng tin cậy. Mặt khác, quá trình quản lý, sử dụng ông T1, bà V đã phá dỡ nhà cũ của cụ L, làm lại nhà như hiện nay; lúc đó cụ L còn sống nhưng cụ L và các ông, bà T3, T, T2, C cũng không có ý kiến hay tranh chấp gì; năm 1996, bà V đã được UBND huyện S cấp GCNQSDĐ thuộc thửa 1274, sau đó bà V làm thủ tục cấp đổi, tách thửa, tặng cho.... Do đó, có cơ sở xác định thửa 392, sau đó biến động thành các thửa 3139, 3140, 3141, nay là các thửa 102, 103, 40 không còn là di sản của cụ L, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông T.

[2.5] Xét yêu cầu của ông Huỳnh T về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho giữa ông T1, bà V với chị T4 đối với thửa 3139; giữa ông T1, bà V với chị T5 đối với thửa 3140 và tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng thửa 103 giữa chị T5 với ông N1 vô hiệu, thì thấy rằng:

[2.5.1] Như nhận định trên, thửa 392 là của ông T1, bà V nên ông T1, bà V có quyền tặng cho quyền sử dụng đất cho chị T4 và chị T5. Mặt khác, hợp đồng tặng cho đã được Văn phòng C3 công chứng ngày 04/7/2016 và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Q chỉnh lý biến động tại trang 3 trong GCNQSDĐ vào ngày 22/7/2016 theo quy định tại Điều 500, 502, 503 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 4 Điều 95, Điều 167, 168, 170 Luật đất đai năm 2013, nên cũng không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông T.

[2.5.2] Tuy nhiên, ngày 03/3/2017 chị T4 và chị T5 có đơn đề nghị cấp đổi GCNQSDĐ thửa 3139, 3140 theo dự án đo đạc 20 xã, phường và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi cho chị T4 từ thửa 3139 thành thửa đất số 102, diện tích 147,1m² (trong đó có 100m² ONT và 47,1m² BHK); cấp đổi cho chị T5 từ thửa 3140 thành thửa đất số 103, diện tích 144,2m² (trong đó có 100m² ONT và 44,2m² BHK). Tại Biên bản làm việc ngày 22/10/2024, đại diện UBND xã T xác định: UBND xã T xác nhận vào đơn xin cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cùng đề ngày 03/3/2017 của chị Huỳnh Thị Minh T4 và chị Huỳnh Thị Minh T5 đổi với thửa 3139 thành thửa 102 tăng 47,1m² so với thửa 3139; thửa 3140 thành thửa 103 tăng 44,2m² so với thửa 3140 với nội dung: Diện tích đất tăng là do sai số đo đạc là không đúng thực tế sử dụng đất vì diện tích đất tăng là có sự thay đổi về hình thể, diện tích thuộc thửa 3141 nhưng chưa làm thủ tục trích đo để làm thủ tục tặng cho hoặc chuyển nhượng diện tích 47,1m² và 44,2m² từ thửa 3141 để nhập vào thửa 102, 103 dẫn đến việc phân diện tích đất tăng 47,1m² được cấp GCNQSDĐ cho cả thửa 3141 và thửa 102; phần diện tích đất tăng 44,2m² được cấp GCNQSDĐ cho cả thửa 3141 và thửa 103, nhưng chưa làm thủ tục chỉnh lý biến động giảm diện tích của thửa 3141. Do đó, việc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp GCNQSDĐ đổi với thửa 102 cho chị Huỳnh Thị Minh T4 và thửa 103 cho chị Huỳnh Thị Minh T5 là không đúng...và tại Công văn số 5765/STNMT-VPĐKĐ ngày 27/11/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q về việc cung cấp thông tin cho Tòa án (viết tắt là Công văn số 5765), cũng xác định: ...UBND xã T có ý kiến về nội dung xác nhận diện tích tăng do sai số đo đạc là không đúng thực tế vì thửa 102 và thửa 103 có sự thay đổi về ranh giới, phần diện tích tăng nằm trong thửa đất số 3141, tờ bản đồ số 12 (bản đồ đo vẽ năm 1996) chưa được cấp đổi GCNQSDĐ theo bản đồ năm 2016. Qua rà soát lại hồ sơ liên quan, Sở T nhận thấy nội dung ý kiến của UBND xã T là đúng thực tế, diện tích tăng như nêu trên có sự thay đổi ranh giới. Do đó, việc cấp GCNQSDĐ ngày 30/12/2017 đổi với thửa 102 và thửa 103, cùng tờ bản đồ số 24 với diện tích đất tăng lần lượt là 47,1m² và 44,2m² loại đất BHK là chưa đảm bảo.... Mặc dù, tại Biên bản làm việc ngày 23/8/2024, ông T1 và bà V đồng ý cho chị T4 và chị T5 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất được cấp theo GCNQSDĐ của thửa 102 và thửa 103. Tuy nhiên, như nhận định trên thì phần đất phía Nam thửa 102 có diện tích 47,1m² (theo đo đạc thực tế là 45,9m²) và 44,2m² (theo đo đạc thực tế là 44,6m²) thuộc thửa 103 bị cấp chồng lên thửa 3141 hiện gia đình ông T1 đang quản lý, sử dụng; mặt khác, theo GCNQSDĐ thửa 1274, sau đó biến động thành các thửa 3139, 3140, 3141 đều là đất ONT, nhưng khi cấp đổi thửa 3139 thành thửa 102 có 47,1m² BHK và thửa 3140 thành thửa 103 có 44,2m² BHK là không chính xác vì theo Biên bản làm việc ngày 22/10/2024 với đại diện UBND xã T và Công văn số 5765 thì diện tích đất tăng của thửa 102 so với thửa 3139 và thửa 103 so với thửa 3140 là do cấp chồng lên thửa 3141, nên diện tích đất tăng của thửa 102 và thửa 103 phải là đất ONT, không phải đất BHK. Do đó, cần hủy

GCNQSDĐ thửa 102 đã cấp cho chị T4 và GCNQSDĐ thửa 103 đã cấp cho chị T5.

[2.5.3] Chị T5 thừa nhận đã nhận đủ tiền chuyển nhượng thửa 103 do ông N1 giao, nhưng như nhận định trên đối tượng (quyền sử dụng đất) của hợp đồng là không thể thực hiện được do có một phần đất cấp chồng; mặt khác, hợp đồng chuyển nhượng thửa 103 giữa chị T5 và ông N1 được thực hiện trong quá trình Tòa án đang giải quyết tranh chấp là vi phạm điểm b khoản 1 Điều 188 Luật đất đai năm 2013; hợp đồng chưa được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 503 Bộ luật dân sự năm 2015, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông T, tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng thửa 103 giữa chị T5 và ông N1, được Văn phòng C5 công chứng ngày 10/7/2023 vô hiệu.

[2.5.4] Ngày 26/3/2024, Tòa án nhận được đơn yêu cầu đề ngày 26/3/2024 của ông Phạm N1 (bút lục 458, 459) liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng thửa 103 giữa ông với chị T5. Do đơn yêu cầu của ông N1 chưa đúng theo quy định của pháp luật nên ngày 03/4/2024, Tòa án có Thông báo số 278/TA-DS (bút lục 460) yêu cầu ông N1 thực hiện thủ tục khởi kiện theo quy định của pháp luật, nhưng ông N1 không thực hiện. Tại phiên tòa, ông N1 và chị T5 xác định trường hợp Hội đồng xét xử tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng thửa 103 giữa chị T5 và ông N1, được Văn phòng C5 công chứng ngày 10/7/2023 vô hiệu thì chị T5 và ông N1 tự giải quyết, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp có tranh chấp, ông N1 và chị T5 có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.6] Tại phiên tòa, ông T1, bà V, chị T4 tự nguyện giao phần đất thuộc thửa 3139 và một phần thửa 3141, diện tích theo đo đạc thực tế 145,9m² (ONT), nay là thửa 102 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất (trừ một số cây mai chị T4 có quyền dỡ dọn, di dời) cho ông T được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng; ông T tự nguyện thanh toán 100.000.000 đồng giá trị tài sản (vật kiến trúc, cây lâu năm) gắn liền với đất (trừ một số cây mai) và tiền công tôn tạo đất cho ông T1, bà V và chị T4; ông T1, bà V và chị T4 đồng ý nhận chung số tiền 100.000.000 đồng.

Xét việc tự nguyện của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 04/7/2016, ông T1 và bà V lập hợp đồng tặng cho chị T4 thửa 3139 được Văn phòng C3 công chứng và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Q chỉnh lý biến động tại trang 3 trong GCNQSDĐ vào ngày 22/7/2016 nên thửa 3139 là tài sản riêng của chị T4. Gắn liền với thửa 3139 có ngôi nhà hiện chị T4 đang quản lý, sử dụng; các đương sự đều thừa nhận là của chị T4. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 103/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thể hiện chị T4 và anh H không có tài sản chung. Do đó, có cơ sở xác định ngôi nhà gắn liền với thửa 3139 là tài sản riêng của chị T4 nên việc chị T4 tự nguyện giao ngôi nhà gắn liền với đất cho ông T được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng là không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã

hội, Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, một phần ngôi nhà cấp 4, diện tích $1,9m^2$ (ký hiệu g1) và một phần mái hiên, diện tích $0,1m^2$ (ký hiệu h1) gắn liền với ngôi nhà hiện chỉ T4 đang quản lý, sử dụng nằm trên thửa 3140. Tại phiên tòa, các đương sự xác định sẽ tự giải quyết, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, ông T1, bà V, chị T4 xác định hiện ông, bà, chị và cháu Đỗ Hoàng H1 đang quản lý, sử dụng đất nên ông T1, bà V, chị T4, cháu H1 (do chị T4 và anh H là người đại diện hợp pháp) có trách nhiệm giao phần đất thuộc thửa 3139 và một phần thửa 3141, diện tích theo đo đạc thực tế $145,9m^2$ (ONT), nay là thửa 102 cho ông T quản lý, sử dụng.

[2.7] Đối với GCNQSDĐ thửa 3141: Như nhận định trên, một phần diện tích đất được cấp trong GCNQSDĐ của thửa 102 và thửa 103 cấp chồng lên thửa 3141; mặt khác, phần đất ông T1, bà V, chị T4 tự nguyện giao cho ông T được quyền quản lý, sử dụng trong đó có một phần diện tích thuộc thửa 3141. Do đó, cần hủy GCNQSDĐ thửa 3141; sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đối với phần đất mình được quyền quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

(Phần đất các đương sự được quyền quản lý, sử dụng có sơ đồ kèm theo và là một bộ phận không thể tách rời của bản án).

[3] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng; chi phí trích đo thửa đất 7.000.000 đồng; chi phí thẩm định giá 12.000.000 đồng, tổng cộng 22.000.000 đồng; ông T tự nguyện chịu, ông T đã tạm nộp và chi phí xong.

[4] Về án phí:

[4.1] Ông Huỳnh T phải chịu án phí đối với phần đất được nhận và đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông T.

[4.2] Chị T5 phải chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu của ông T được chấp nhận về việc tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng thửa 103 giữa chị T5 với ông N1, được Văn phòng C5 công chứng ngày 10/7/2023 vô hiệu.

[5] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận một phần.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, 5 Điều 26, 34, 37, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 122, 123, 131, 500, 501, 502, 503, Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95, 99, 100, 166, 167, 168, 170, 188 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh T về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Bùi Thị L đối với thửa đất số 392, tờ bản đồ số 12, xã T, huyện S (nay thuộc thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi, biến động thành các thửa đất số 3139, 3140, 3141 cùng tờ bản đồ số 12 nay là các thửa đất số 102, 103, 40 cùng tờ bản đồ số 24, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Minh T1, bà Huỳnh Thị Thùy V và chị Huỳnh Thị Minh T4 về việc ông Huỳnh T được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng thửa đất số 3139 và một phần thửa đất số 3141 cùng tờ bản đồ số 12 nay là thửa đất số 102, tờ bản đồ số 24, diện tích theo đo đạc thực tế 145,9m² (ONT) tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cùng toàn bộ tài sản (vật kiến trúc, cây lâu năm) gắn liền với đất (trừ một số cây mai).

Chị Huỳnh Thị Minh T4 được quyền dỡ dọn, di dời một số cây mai gắn liền với phần đất ông Huỳnh T được quyền quản lý, sử dụng nay thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 24, diện tích theo đo đạc thực tế 145,9m² (ONT) tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Ông Huỳnh T tự nguyện thanh toán giá trị tài sản (vật kiến trúc, cây lâu năm) gắn liền với đất và tiền công tôn tạo đất cho ông Huỳnh Minh T1, bà Huỳnh Thị Thùy V và chị Huỳnh Thị Minh T4 số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu*).

Ông Huỳnh Minh T1, bà Huỳnh Thị Thùy V, chị Huỳnh Thị Minh T4 và cháu Đỗ Hoàng H1 (do chị Huỳnh Thị Minh T4 và anh Đỗ Văn H là người đại diện hợp pháp) có trách nhiệm giao phần đất thuộc thửa đất số 3139 và một phần thửa đất số 3141, tờ bản đồ số 12 nay là thửa đất số 40, tờ bản đồ số 24, diện tích theo đo đạc thực tế 145,9m² (ONT) tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho ông Huỳnh Tự quản L2, sử dụng.

Ông Huỳnh Minh T1, bà Huỳnh Thị Thùy V, ông Huỳnh T, chị Huỳnh Thị Minh T4, chị Huỳnh Thị Minh T5 không yêu cầu giải quyết một phần ngôi nhà cấp 4, diện tích 1,9m² (ký hiệu g1) và một phần mái hiên, diện tích 0,1m² (ký hiệu h1) gắn liền với ngôi nhà hiện chị Huỳnh Thị Minh T4 đang quản lý, sử dụng nằm trên thửa đất số 3140, tờ bản đồ số 12, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh T về việc tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Minh T1, bà Huỳnh Thị Thùy V với chị Huỳnh Thị Minh T4 đối với thửa đất số 3139, tờ bản đồ số 12,

xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi được Văn phòng C3 công chứng ngày 04/7/2016, số công chứng 1058, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh T về việc tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Minh T1, bà Huỳnh Thị Thùy V với chị Huỳnh Thị Minh T5 đối với thửa đất số 3140, tờ bản đồ số 12, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi được Văn phòng C3 công chứng ngày 04/7/2016, số công chứng 1059, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh T, tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Huỳnh Thị Minh T5 với ông Phạm N1 đối với thửa đất số 103, tờ bản đồ số 24, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi được Văn phòng C5 công chứng ngày 10/7/2023, số công chứng 07074, quyền số 07/2023 vô hiệu.

Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Ông Huỳnh T, chị Huỳnh Thị Minh T5 và ông Phạm N1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

6. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh T, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CC 290723, sổ vào sổ cấp GCN CS 03977 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho bà Huỳnh Thị Thùy V đối với thửa đất số 3141, tờ bản đồ số 12, diện tích 354m² tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 21/12/2015.

7. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CK 430313, sổ vào sổ cấp GCN CS 09873 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho chị Huỳnh Thị Minh T4 đối với thửa đất số 102, tờ bản đồ số 24, diện tích 147,1m² tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 30/12/2017 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CK 430312, sổ vào sổ cấp GCN CS 09826 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp cho chị Huỳnh Thị Minh T5 đối với thửa đất số 103, tờ bản đồ số 24, diện tích 144,2m² tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 30/12/2017.

(Phần đất các đương sự được quyền quản lý, sử dụng có sơ đồ kèm theo và là một bộ phận không thể tách rời của bản án).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đối với phần đất mình được quyền quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

8. Về chi phí tố tụng khác: Tổng cộng 22.000.000 đồng (*hai mươi hai triệu*), ông Huỳnh T tự nguyện chịu. Ông Huỳnh T đã tạm nộp và chi phí xong.

9. Về án phí:

9.1. Ông Huỳnh T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

9.2. Chị Huỳnh Thị Minh T5 phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Thu Lan